VĂN BẢN HỢP NHẤT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác

Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 08 tháng 02 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

Căn cứ Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về chống thư rác;

Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông,[1]

Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết thực hiện việc cấp, gia hạn, thu hồi mã số quản lý; trách nhiệm của các đối tượng có liên quan và chế độ báo cáo, thống kê như sau:

---

[1] Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác có căn cứ ban hành như sau:

"- Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

- Căn cứ Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

- Căn cứ Nghị định số 97/2008/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2008 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin điện tử trên Internet;".

I. GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

1. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có cung cấp dịch vụ gửi tin nhắn từ Internet vào mạng viễn thông di động và mạng viễn thông cố định;

2. Nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ Internet có cung cấp dịch vụ thư điện tử;

3. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn là doanh nghiệp viễn thông di động hoặc doanh nghiệp viễn thông cố định có cung cấp dịch vụ tin nhắn.

II. CẤP, GIA HẠN, THU HỒI MÃ SỐ QUẢN LÝ

1. Cơ quan cấp mã số quản lý

Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm VNCERT) - Bộ Thông tin và Truyền thông.

2. Đăng ký, gia hạn mã số quản lý

2.1. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet (sau đây gọi là doanh nghiệp) phải đăng ký để được cấp mã số quản lý trước khi cung cấp dịch vụ.

2.2. Doanh nghiệp phải gửi Bản khai đăng ký mã số quản lý theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này về Trung tâm VNCERT.

Mẫu Bản khai đăng ký mã số quản lý được cung cấp trên trang thông tin điện tử http://www.vncert.gov.vn.

2.3. Mã số quản lý có thời hạn là 03 năm kể từ ngày được cấp. Đối với nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua Internet thì thời hạn của mã số quản lý được cấp phù hợp với thời hạn của giấy phép cung cấp dịch vụ Internet và không quá 03 năm.

2.4. Gia hạn mã số quản lý

a) Chậm nhất là 30 ngày trước khi mã số quản lý hết hiệu lực, doanh nghiệp phải gửi Bản khai gia hạn mã số quản lý theo mẫu tại Phụ lục 1 về Trung tâm VNCERT.

b) Thời gian gia hạn mã số quản lý tối đa là 03 năm.

3. Thời gian cấp, gia hạn mã số quản lý

3.1. Trung tâm VNCERT xem xét và cấp, gia hạn mã số quản lý trong thời hạn không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được bản khai hợp lệ. Trường hợp từ chối cấp mã số quản lý, Trung tâm VNCERT thông báo lý do bằng văn bản cho doanh nghiệp.

3.2. Mã số quản lý cấp, gia hạn cho doanh nghiệp được Trung tâm VNCERT thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử http://www.vncert.gov.vn.

4. Lệ phí cấp, gia hạn mã số quản lý

Tổ chức, cá nhân được cấp, gia hạn mã số quản lý có trách nhiệm nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

5. Thay đổi thông tin đăng ký mã số quản lý

Khi có sự thay đổi thông tin đăng ký mã số quản lý, doanh nghiệp có trách nhiệm thông báo cho Trung tâm VNCERT bằng văn bản và thư điện tử. Đối với các thông tin được liệt kê tại Mục 5 của Phụ lục 1 thì thời hạn thông báo ít nhất là 05 ngày trước khi tiến hành thay đổi.

6. Thu hồi mã số quản lý

6.1. Mã số quản lý đã cấp sẽ được thu hồi trong các trường hợp sau:

a) Mã số quản lý hết thời hạn mà không được gia hạn;

b) Doanh nghiệp có đề nghị thu hồi mã số quản lý bằng văn bản;

c) Doanh nghiệp bị giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, giấy chứng nhận đầu tư hoặc bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định chấm dứt hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực quảng cáo;

d) Doanh nghiệp bị xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp thu hồi mã số quản lý.

6.2. Việc thu hồi mã số quản lý được Trung tâm VNCERT thông báo bằng văn bản và đăng tải trên trang thông tin điện tử http://www.vncert.gov.vn.

6.3. Kể từ ngày mã số quản lý bị thu hồi, doanh nghiệp phải chấm dứt việc sử dụng mã số quản lý đó.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI QUẢNG CÁO VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO

1. Người quảng cáo

Người quảng cáo có trách nhiệm:

1.1. Khi tự gửi thư điện tử hay tin nhắn quảng cáo, người quảng cáo:

a) Chỉ được phép gửi thư điện tử hoặc tin nhắn quảng cáo sau khi người nhận đồng ý về:

- Loại thông tin, sản phẩm, dịch vụ quảng cáo;

- Số lượng thư điện tử quảng cáo, tin nhắn quảng cáo tối đa có thể gửi trong một khoảng thời gian nhất định và thời gian có thể gửi quảng cáo.

b) Có trách nhiệm lưu giữ thông tin về sự đồng ý của người nhận và cung cấp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

c) Trong trường hợp tự gửi tin nhắn quảng cáo qua Internet, chỉ được phép sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet đã được

Trung tâm VNCERT cấp mã số quản lý và công bố trên trang thông tin điện tử http://www.vncert.gov.vn.

1.2. Khi sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, tin nhắn và dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet, người quảng cáo chỉ được phép sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo, các nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet đã được Trung tâm VNCERT cấp mã số quản lý và công bố trên trang thông tin điện tử http://www.vncert.gov.vn.

2. Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo

Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo có trách nhiệm:

2.1. Lưu lại thông tin về yêu cầu từ chối và xác nhận yêu cầu từ chối ít nhất 60 ngày hoạt động sau cùng của hệ thống;

2.2. Lưu lại nội dung thư quảng cáo trong thời gian ít nhất 60 ngày kể từ khi gửi thư điện tử quảng cáo đó;

2.3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định tại phần VI Thông tư này;

2.4. Trong trường hợp gửi tin nhắn quảng cáo qua Internet, chỉ được phép sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet đã được Trung tâm VNCERT cấp mã số quản lý và công bố trên trang thông tin điện tử http://www.vncert.gov.vn.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN QUA MẠNG INTERNET

Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet có trách nhiệm:

1. Gắn nhãn cho mọi tin nhắn gửi từ hệ thống và nhãn phải được đặt ở vị trí đầu tiên trong phần nội dung tin nhắn.

1.1. Đối với tin nhắn không có nội dung quảng cáo, nhãn có dạng [*Mã số quản lý*]. Trong đó *Mã số quản lý* chính là mã số quản lý của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

1.2. Đối với tin nhắn quảng cáo do người quảng cáo gửi, nhãn có dạng [QC *Mã số quản lý*]. Trong đó *Mã số quản lý* chính là mã số quản lý của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet được Bộ Thông tin và Truyền thông cấp.

1.3. Đối với tin nhắn quảng cáo do nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn gửi, nhãn có dạng [QC *Mã số quản lý*]. Trong đó *Mã số quản lý* bao gồm mã số quản lý của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet và mã số quản lý của nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn phân cách nhau bằng một dấu phẩy.

2. Thực hiện việc lưu giữ:

2.1. Thông tin về yêu cầu từ chối và xác nhận yêu cầu từ chối ít nhất 60 ngày hoạt động sau cùng của hệ thống;

2.2. Nội dung các tin nhắn quảng cáo có gắn nhãn QC trong thời gian tối thiểu 60 ngày kể từ khi gửi tin nhắn đó;

3. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định tại phần VI Thông tư này.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ, NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET VÀ NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN

1. Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử

1.1. Cung cấp chức năng để người sử dụng dịch vụ có thể lựa chọn nhận các loại thư điện tử ngay từ máy chủ nhận thư dựa trên: nhãn và mã số quản lý của thư điện tử quảng cáo; địa chỉ IP và tên miền của máy chủ gửi thư; địa chỉ IP và địa chỉ thư điện tử người gửi thư.

1.2. Triển khai các giải pháp phòng ngừa việc ngăn chặn nhầm thư điện tử của người sử dụng, bao gồm:

a) Cho phép người dùng chỉ định danh sách các đối tác trao đổi thư điện tử tin cậy;

b) Thông báo và tiếp nhận phản hồi của người dùng về các trường hợp ngăn chặn thư điện tử nghi ngờ là thư rác;

c) Khôi phục lại thư điện tử đã bị ngăn chặn nhầm ít nhất 07 ngày kể từ thời điểm nhận thư điện tử đó.

1.3. Cung cấp miễn phí chức năng tiếp nhận thông báo về thư rác từ người sử dụng, bao gồm:

a) Thông báo bằng cách đánh dấu thư rác ngay trên hộp thư trực tuyến;

b) Thông báo bằng cách chuyển tiếp thư rác đến một hoặc nhiều địa chỉ thư điện tử đã xác định.

1.4. Xử lý kịp thời các thông báo về thư rác từ người sử dụng; liên tục cập nhật thông tin về thư rác cho hệ thống ngăn chặn thư rác.

1.5. Thực hiện các giải pháp hạn chế thư rác, bao gồm:

a) Ngăn chặn thư rác được gửi đi từ máy chủ thư điện tử;

b) Ngăn chặn thư rác được gửi đến máy chủ thư điện tử.

1.6. Thông báo đầu mối liên hệ chống thư rác cho Trung tâm VNCERT.

1.7. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định tại phần VI Thông tư này.

2. Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet (ISP)

2.1. Xác định các địa chỉ thư điện tử để tiếp nhận thông báo về thư rác; cung cấp miễn phí chức năng tiếp nhận thông báo về thư điện tử rác bằng cách chuyển tiếp thư rác đến các địa chỉ đã xác định.

2.2. Xử lý kịp thời các thông báo về thư rác từ người sử dụng; liên tục cập nhật thông tin về thư rác cho hệ thống ngăn chặn thư rác.

2.3. Thực hiện các giải pháp hạn chế thư rác, bao gồm:

a) Ngăn chặn thư rác được gửi đi từ hệ thống mạng cung cấp dịch vụ;

b) Ngăn chặn thư rác được gửi đến hệ thống mạng cung cấp dịch vụ.

2.4. Thông báo đầu mối liên hệ chống thư rác cho Trung tâm VNCERT.

2.5. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định tại phần VI Thông tư này.

3. Trách nhiệm của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn

3.1. Xác định các số thuê bao điện thoại để tiếp nhận tin nhắn rác; cung cấp miễn phí chức năng tiếp nhận thông báo về tin nhắn rác bằng cách chuyển tiếp tin nhắn rác đến các thuê bao điện thoại đã xác định.

3.2. Xử lý kịp thời các thông báo về tin nhắn rác từ người sử dụng; liên tục cập nhật thông tin về tin nhắn rác cho hệ thống ngăn chặn tin nhắn rác.

3.3. Thông báo đầu mối liên hệ chống thư rác cho Trung tâm VNCERT.

3.4. Thực hiện chế độ báo cáo, thống kê theo quy định tại phần VI Thông tư này.

VI. CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, THỐNG KÊ

1. Chế độ báo cáo, thống kê

1.1.[2] Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử thực hiện báo cáo, thống kê theo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu.

1.2.[3] Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn báo cáo, thống kê theo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu.

1.3.[4] Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet báo cáo, thống kê theo định kỳ 06 tháng hoặc đột xuất theo yêu cầu.

---

[2] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[3] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[4] Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

1.4. Nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử thực hiện báo cáo, thống kê theo mẫu báo cáo năm tại Phụ lục 5 Thông tư này.

1.5. Nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn thực hiện báo cáo, thống kê theo mẫu báo cáo năm tại Phụ lục 6 Thông tư này.

1.6. Nhà cung cấp dịch vụ truy nhập Internet thực hiện báo cáo theo báo cáo năm tại Phụ lục 7 Thông tư này.

2.[5] Báo cáo các thông tin lưu giữ:

Trước ngày 15 tháng 05 và 15 tháng 11 hàng năm, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử, nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn, nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet báo cáo bằng thư điện tử các thông tin đã lưu giữ về yêu cầu từ chối và xác nhận yêu cầu từ chối của 06 tháng trước đó.

3.[6] Thời gian báo cáo

- Báo cáo định kỳ: thực hiện trước ngày 15 tháng 05 và 15 tháng 11 hàng năm;

- Báo cáo năm: thực hiện trước ngày 15 tháng 11 hàng năm;

- Báo cáo đột xuất: khi có yêu cầu của Trung tâm VNCERT.

4. Cơ quan tiếp nhận báo cáo

Trung tâm VNCERT - Bộ Thông tin và Truyền thông

Địa chỉ: 18 Nguyễn Du, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Email: baocao@vncert.vn.

Thông tin chi tiết về cách thức báo cáo được đăng tải trên thông tin điện tử của Trung tâm VNCERT http://www.vncert.gov.vn.

---

[5] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[6] Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN[7]

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Trung tâm VNCERT - Bộ Thông tin và Truyền thông để xem xét giải quyết./.

BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG **XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 2201/VBHN-BTTTT

Hà Nội, ngày 01 tháng 8 năm 2013
KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Nguyễn Thành Hưng

[7] Điều 3 Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011 quy định như sau:

"Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Giám đốc Trung tâm Internet Việt Nam, Giám đốc Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp Việt Nam và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /."

Phụ lục 1
MẪU BẢN KHAI ĐĂNG KÝ, GIA HẠN MÃ SỐ QUẢN LÝ

TÊN DOANH NGHIỆP……
…….

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI ĐĂNG KÝ, GIA HẠN MÃ SỐ QUẢN LÝ

Tên doanh nghiệp: .....
Địa chỉ: .....

1. Đề nghị của doanh nghiệp

(*Đánh dấu vào ô ☐ đối với mỗi đề nghị)*

☐ Cấp mới

☐ Gia hạn

2. Mã số quản lý đã được cấp *(Đối với mã số quản lý cần gia hạn)*

■ Mã số quản lý cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn:…...……;
Thời hạn: từ ngày……. đến ngày…….

■ Mã số quản lý cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử:……;
Thời hạn: từ ngày……. đến ngày…….

■ Mã số quản lý cung cấp dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet:……;
Thời hạn: từ ngày ……. đến ngày…….

3. Thông tin về doanh nghiệp

■ Tên viết tắt doanh nghiệp: .....

■ Giấy phép kinh doanh số: .....

■ Điện thoại: .....

■ Fax: .....

■ Email: .....

■ Website: .....

4. Loại hình dịch vụ doanh nghiệp cung cấp

(*Đánh dấu vào ô ☐ đối với mỗi loại dịch vụ***)**

☐ Dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn

☐ Dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử

☐ Dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet

5. Thông tin kỹ thuật

(Doanh nghiệp đăng ký, gia hạn mã số quản lý cho dịch vụ nào thì điền thông tin vào mục của dịch vụ đó)

a) Dịch vụ thư điện tử quảng cáo

■ Tên miền của các máy chủ gửi thư quảng cáo (mail server):.....

.....

■ Địa chỉ IP của các máy chủ gửi thư quảng cáo: .....

.....

■ Các địa chỉ thư điện tử dùng để gửi thư điện tử quảng cáo: .....

.....

■ Địa chỉ URL hệ thống từ chối: .....

■ Địa chỉ email từ chối: .....

■ Số điện thoại từ chối:.....

b) Dịch vụ tin nhắn quảng cáo

■ Các số thuê bao gửi tin nhắn quảng cáo:.....

■ Số thuê bao nhận tin nhắn từ chối: .....

■ Số điện thoại từ chối:.....

c) Dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet

■ Tên miền của các website gửi tin nhắn: .....

.....

■ Địa chỉ IP của các máy chủ gửi tin nhắn:.....

.....

■ Thông tin cụ thể về hệ thống tiếp nhận và xử lý yêu cầu từ chối: .....

.....

6. Đầu mối liên hệ chống thư rác

■ Họ và tên:.....

■ Chức vụ:.....

■ Địa chỉ liên hệ:.....

■ Số điện thoại/Fax:.....

■ Email:.....

Tổ chức đăng ký cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về chống thư rác.

....., ngày..... tháng..... năm.....

Xác nhận của chủ thể đăng ký

PHỤ LỤC 2A.[7] ***(được bãi bỏ)***
PHỤ LỤC 2B.[8] ***(được bãi bỏ)***
PHỤ LỤC 3A.[9] ***(được bãi bỏ)***
PHỤ LỤC 3B.[10] ***(được bãi bỏ)*)**
PHỤ LỤC 4A.[11] ***(được bãi bỏ)***
PHỤ LỤC 4B.[12] ***(được bãi bỏ)*)**

[7] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[8] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[9] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[10] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[11] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

[12] Phụ lục này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

Phụ lục 5
MẪU BÁO CÁO NĂM CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

BÁO CÁO NĂM
CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ THƯ ĐIỆN TỬ

Năm 20……
Tên doanh nghiệp:.....
Địa chỉ:.....

1. Tổng hợp thống kê về tình hình trao đổi thư điện tử trong năm

Số tài khoản trên hệ thống		**Số thư điện tử**				**Số thư điện tử quảng cáo**			
Tổng số	**Tăng giảm**	**Gửi đi**		**Nhận**		**Từ người quảng cáo**		**Từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo**	
		Tổng số	**Tăng giảm**	**Tổng số**	**Tăng giảm**	**Tổng số**	**Tăng giảm**	**Tổng số**	**Tăng giảm**

Tổng số khách hàng là nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong năm 20…… :…….

2. Tổng hợp thống kê về tình hình thư điện tử rác trong năm

Số báo cáo thư điện tử rác nhận được				Lượng thư rác đã được ngăn chặn			
Tổng số	Tăng giảm	Số lượng đã được xử lý		Tổng số	Tăng giảm	Lượng thư điện tử chặn sai (4)	
		Tổng số	Tăng giảm			Tổng số	Tăng giảm

*Chú thích: Các cột **Tăng giảm** thể hiện % mức độ tăng/giảm so với năm trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm*

(1) Thư điện tử gửi tới các tài khoản của nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử

(2) Thư điện tử gửi đi từ các tài khoản của nhà cung cấp dịch vụ thư điện tử

(3) Thư điện tử có nhãn dạng [QC Mã số quản lý]

(4) Thư điện tử bị chặn sai (bị nhầm là thư rác) do người dùng phản ánh

3. Kiến nghị

……

Phụ lục 6
MẪU BÁO CÁO NĂM CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

BÁO CÁO NĂM
CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN

Năm 20……
Tên doanh nghiệp: ……
Địa chỉ: ……

1. Tổng hợp thống kê về tình hình trao đổi tin nhắn trong năm

Thuê bao		Tin nhắn				Tin nhắn quảng cáo			
Tổng số	Tăng giảm	Gửi đi (1)		Nhận (2)		Từ người quảng cáo		Từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo (3)	
		Tổng số	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm

Tổng số khách hàng là nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong năm 20…… :……

2. Tổng hợp thống kê về tình hình tin nhắn rác trong năm

Số báo cáo tin nhắn rác nhận được				Tin nhắn rác đã được ngăn chặn			
Tổng số	Tăng giảm	Số lượng đã được xử lý		Tổng số	Tăng giảm	Lượng tin nhắn chặn sai (4)	
		Tổng số	Tăng giảm			Tổng số	Tăng giảm

*Chú thích: Các cột **Tăng giảm** thể hiện % mức độ tăng/giảm so với năm trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm*

(1) Tin nhắn gửi tới các thuê bao của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn

(2) Tin nhắn đi từ các thuê bao của nhà cung cấp dịch vụ tin nhắn

(3) Tin nhắn có nhãn dạng [QC Mã số quản lý]

(4) Tin nhắn chặn sai do người dùng phản ánh

3. Kiến nghị

.....

.....

Phụ lục 7
MẪU BÁO CÁO NĂM VỀ TÌNH HÌNH THƯ RÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET (ISP)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

BÁO CÁO NĂM
VỀ TÌNH HÌNH THƯ RÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRUY NHẬP INTERNET (ISP)

Năm 20……
Tên doanh nghiệp:……
Địa chỉ: …….

1. Tổng hợp thống kê tình hình thư rác trong năm

Thư rác có nguồn gửi từ trong nước		**Thư rác có nguồn gửi từ nước ngoài**		**Số báo cáo thư rác nhận được**		**Số báo cáo đã được xử lý**	
Tổng số	**Tăng giảm**	**Tổng số**	**Tăng giảm**	**Tổng số**	**Tăng giảm**	**Tổng số**	**Tăng giảm**

2. Tổng hợp thống kê về hoạt động ngăn chặn thư rác trong năm

Số địa chỉ IP đã ngăn chặn trong năm				Số tên miền đã ngăn chặn trong năm			
Địa chỉ IP trong nước		Địa chỉ IP quốc tế		Tên miền Việt Nam (.vn)		Tên miền quốc tế	
Tổng số	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm	Tổng số	Tăng giảm

*Chú thích: Các cột **Tăng giảm** thể hiện % mức độ tăng/giảm so với năm trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm*

3. Kiến nghị

.....

.....

.....

Mẫu số 1[13]

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG THƯ ĐIỆN TỬ

(Kèm theo Thông tư số..../2011/TT-BTTTT ngày... tháng.... năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TÊN TỔ CHỨC

Số ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày…… tháng…… năm……

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG THƯ ĐIỆN TỬ

(Từ ngày….. tháng…. năm 20..… đến ngày….. tháng…. năm 20..…)

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: .....

.....

Địa chỉ liên lạc:.....

.....

Mã số quản lý……..... Cấp ngày……. có hiệu lực đến ngày.....

1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong kỳ báo cáo:

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:.....

- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước.....

2. Thống kê khách hàng đang sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong kỳ báo cáo:

STT	Tên khách hàng	Số thông điệp quảng cáo (1)	Số thư điện tử quảng cáo gửi đi

(1) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo

[13] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

3. Tổng hợp thống kê về dịch vụ quảng cáo bằng thư điện tử trong kỳ báo cáo:

Khách hàng		Thông điệp quảng cáo (2)		Thư điện tử quảng cáo	
Tổng số	**Tăng/giảm**	**Tổng số**	**Tăng/giảm**	**Tổng số**	**Tăng/giảm**

*Chú thích: Các cột **Tăng/giảm** thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm;(2) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo*

4. Thống kê về yêu cầu từ chối và xử lý yêu cầu từ chối trong kỳ báo cáo:

Phương thức tiếp nhận / **Số lượng**	**Qua trang web (2)**	**Bằng thư điện tử (3)**	**Gọi điện thoại (4)**	**Tổng số (2)+(3)+(4)**
Yêu cầu từ chối				
Xác nhận yêu cầu từ chối				
Yêu cầu từ chối đã được xử lý				
Yêu cầu từ chối không xử lý được do bất khả kháng				

Liệt kê các lý do bất khả kháng không thể xử lý được yêu cầu từ chối của người nhận: ..

5. Kiến nghị: .....

.....

.....

.....

.....

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Mẫu số 2[14]

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG TIN NHẮN

(kèm theo Thông tư số..../2011/TT-BTTTT ngày... tháng.... năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TÊN TỔ CHỨC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ……	*……, ngày…… tháng…… năm……*

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ QUẢNG CÁO BẰNG TIN NHẮN
(Từ ngày….. tháng…. năm 20..… đến ngày….. tháng…. năm 20..…)

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: .....

.....

Địa chỉ liên lạc:.....

.....

Mã số quản lý…….. Cấp ngày …… có hiệu lực đến ngày.....

1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:.....
- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước.....

2. Thống kê khách hàng đang sử dụng dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:

STT	Tên khách hàng	Số thông điệp quảng cáo (1)	Số tin nhắn quảng cáo gửi đi

(1) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo

[14] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

3. Tổng hợp thống kê về dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:

Khách hàng		Thông điệp quảng cáo (2)		Tin nhắn quảng cáo	
Tổng số	**Tăng/giảm**	**Tổng số**	**Tăng/giảm**	**Tổng số**	**Tăng/giảm**

*Chú thích: Các cột **Tăng/giảm** thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm;(2) Thông điệp quảng cáo là một bản tin (mẫu) quảng cáo*

4. Thống kê về yêu cầu từ chối và xử lý yêu cầu từ chối trong kỳ báo cáo:

Phương thức tiếp nhận / **Số lượng**	**Bằng tin nhắn (2)**	**Gọi điện thoại (3)**	**Tổng số (2)+(3)**
Yêu cầu từ chối			
Xác nhận yêu cầu từ chối			
Yêu cầu từ chối đã được xử lý			
Yêu cầu từ chối không xử lý được do bất khả kháng			

Liệt kê các lý do bất khả kháng không thể xử lý được yêu cầu từ chối của người nhận

.....

5. Kiến nghị: .....

.....

.....

.....

.....

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)

Mẫu số 3[15]

MẪU BÁO CÁO ĐỊNH KỲ CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN QUA MẠNG INTERNET

(kèm theo Thông tư số ..../2011/TT-BTTTT ngày... tháng.... năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông)

TÊN TỔ CHỨC

Số: ……

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

……, ngày ……tháng ……năm ……

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ
CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ TIN NHẮN QUA MẠNG INTERNET
(Từ ngày….. tháng…. năm 20..… đến ngày….. tháng…. năm 20..…)

Kính gửi: **Trung tâm Ứng cứu khẩn cấp máy tính Việt Nam**

Tên doanh nghiệp: .....

.....

Địa chỉ liên lạc:.....

Mã số quản lý…….. Cấp ngày……. có hiệu lực đến ngày.....

1. Tổng doanh thu và mức độ tăng trưởng từ dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet trong kỳ báo cáo:

- Tổng doanh thu trong kỳ báo cáo:.....
- Mức độ tăng trưởng so với kỳ báo cáo trước.....

2. Tổng hợp thống kê khách hàng đang sử dụng dịch vụ tin nhắn qua mạng Internet trong kỳ báo cáo:

Tài khoản trên hệ thống		Tổng số tin nhắn		Tin nhắn quảng cáo					
				Từ người quảng cáo (1)		Từ nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo (2)		Tổng số (1)+ (2)	
Tổng số	Tăng/ giảm	Tổng số	Tăng/ giảm	Tổng số	Tăng/ giảm	Tổng số	Tăng/ giảm	Tổng số	Tăng/ giảm

[15] Phụ lục này được bổ sung theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 2 của Thông tư số 09/2011/TT-BTTTT ngày 08 tháng 4 năm 2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 09/2008/TT-BTTTT ngày 24 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về quản lý và sử dụng tài nguyên Internet và Thông tư số 12/2008/TT-BTTTT ngày 30 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số 90/2008/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2008 về chống thư rác, có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 5 năm 2011.

3. Liệt kê các khách hàng là nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong tháng

STT	Tên nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn	Mã số quản lý	Số lượng tin nhắn quảng cáo gửi đi

4. Tổng hợp thống kê về khách hàng là nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn trong kỳ báo cáo:

Nhà cung cấp dịch vụ quảng cáo bằng tin nhắn		Số lượng tin nhắn quảng cáo gửi đi	
Tổng số	Tăng/giảm	Tổng số	Tăng/giảm

5. Tổng hợp thống kê về tin nhắn rác trong kỳ báo cáo:

Tin nhắn rác phát hiện được		Báo cáo tin nhắn rác nhận được		Báo cáo đã được xử lý	
Tổng số	Tăng/giảm	Tổng số	Tăng/giảm	Tổng số	Tăng/giảm

*Chú thích: Các cột **Tăng/giảm** thể hiện % mức độ tăng/giảm so với kỳ báo cáo trước. Dấu (+) thể hiện tăng, dấu (-) thể hiện giảm*

6. Kiến nghị: .....

.....

.....

.....

.....

.....

Đại diện có thẩm quyền của doanh nghiệp
(*Chữ ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu*)